

Số: 12 /NQ-HĐND

Long Khánh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương
năm 2025 trên địa bàn phường Long Khánh sau sắp xếp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG LONG KHÁNH
KHÓA I - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thu nhập cá nhân, Luật Dữ trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 40/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-STC ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2025 (sau sắp xếp);

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường Long Khánh;

Xét Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của UBND phường Long Khánh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn phường Long Khánh sau sắp xếp; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường; Ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại tổ và tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn phường Long Khánh sau sắp xếp như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn phường Long Khánh sau sắp xếp (Đính kèm phụ lục 1):

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ điều tiết	Dự toán năm 2025
I	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Thu nội địa)		31.610
1	Thu ngoài quốc doanh		15.935
-	Thuế GTGT	59%	15.520
-	Thuế tài nguyên	100%	35
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	59%	380
2	Lệ phí trước bạ	50%	1.860
3	Thuế thu nhập cá nhân	59%	9.110
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp - Thuế nhà đất	100%	3.460
5	Thu phí, lệ phí		1.140
-	Phí, lệ phí	100%	315
-	Phí môn bài	100%	825
6	Thu khác ngân sách		105
-	Phạt hành chính,...	100%	105

II	THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG		228.492
1	Thu cân đối ngân sách phường		15.051
-	Các khoản thu hưởng 100%	100%	4.740
-	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	59%	10.311
2	Thu bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		213.441

2. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn phường Long Khánh sau sắp xếp: (Đính kèm phụ lục 02,03,04,05)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2025
	TỔNG CỘNG	228.492
A	Chi thường xuyên	223.892
I	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	169.460
1	Kinh phí các trường học thuộc phường sau sắp xếp	169.460
II	Chi sự nghiệp khác, chia ra:	44.055
1	Chi Quản lý hành chính	37.759
1.1	Đảng ủy phường	8.206
1.2	Trung tâm Chính trị	1.132
1.3	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	3.518
1.4	Văn phòng HĐND và UBND	14.680
1.5	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	3.351
1.6	Phòng Văn hóa - Xã hội	2.955
1.7	Trung tâm phục vụ hành chính công	3.917
2	Chi Quốc phòng - An ninh	2.150
2.1	Văn phòng HĐND và UBND (sự nghiệp Quốc phòng)	1.350
2.2	Văn phòng HĐND và UBND (sự nghiệp An ninh)	800
3	Sự nghiệp Kinh tế	500
a	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	500
4	Sự nghiệp Đảm bảo Xã hội	700
a	Phòng Văn hóa - Xã hội	700
5	Sự nghiệp Văn hóa, Thông tin và Phát thanh	2.946
a	Phòng Văn hóa - Xã hội	639
b	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	2.307
III	Chi khác ngân sách	10.377
B	Dự phòng	4.600

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2025. Trong quá trình thực hiện, khi cần thiết phải điều chỉnh dự toán kế hoạch, Ủy ban nhân dân phường trình Thường trực Hội đồng nhân dân phường để xem xét, thống nhất và báo cáo Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban Hội đồng nhân dân phường và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường Long Khánh khóa I, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh Đồng Nai;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Các Ban HĐND tỉnh Đồng Nai;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND phường;
- Các Ban HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Thành viên UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các cơ quan chuyên môn;
- Chánh, Phó VP; *phu*
- Lưu: VT, TH (HĐND).

CHỦ TỊCH



Đặng Minh Nguyệt

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 18/7/2025 của HĐND phường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ điều tiết	Dự toán năm 2025
I	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Thu nội địa)		31,610
1	Thu ngoài quốc doanh		15,935
-	Thuế GTGT	59%	15,520
-	Thuế tài nguyên	100%	35
-	Thuế TTĐB	59%	380
2	Lệ phí trước bạ	50%	1,860
3	Thuế thu nhập cá nhân	59%	9,110
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp - Thuế nhà đất	100%	3,460
5	Thu phí, lệ phí		1,140
-	Phí, lệ phí	100%	315
-	Phí môn bài	100%	825
6	Thu khác ngân sách		105
-	Phạt hành chính,...	100%	105
II	THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG		228,492
1	Thu cân đối ngân sách phường		15,051
-	Các khoản thu hưởng 100%	100%	4,740
-	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	59%	10,311
2	Thu bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		213,441

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 18/7/2025 của HĐND phường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2025
	TỔNG CỘNG	228,492
A	Chi thường xuyên	223,892
I	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	169,460
1	Kinh phí các trường học thuộc phường sau sắp xếp	169,460
II	Chi sự nghiệp khác, chia ra:	44,055
1	Chi Quản lý hành chính	37,759
1.1	Đảng ủy phường	8,206
1.2	Trung tâm Chính trị	1,132
1.3	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	3,518
1.4	Văn phòng HĐND và UBND	14,680
1.5	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	3,351
1.6	Phòng Văn hóa - Xã hội	2,955
1.7	Trung tâm phục vụ hành chính công	3,917
2	Chi Quốc phòng - An ninh	2,150
2.1	Văn phòng HĐND và UBND (sự nghiệp Quốc phòng)	1,350
2.2	Văn phòng HĐND và UBND (sự nghiệp An ninh)	800
3	Sự nghiệp Kinh tế	500
a	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	500
4	Sự nghiệp Đảm bảo Xã hội	700
a	Phòng Văn hóa - Xã hội	700
5	Sự nghiệp Văn hóa, Thông tin và Phát thanh	2,946
a	Phòng Văn hóa - Xã hội	639
b	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	2,307
III	Chi khác ngân sách	10,377
B	Dự phòng	4,600

**DỰ TOÁN CHI LƯƠNG, KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG, CÁC KHOẢN KINH PHÍ ĐẶC THÙ
CỦA CƠ QUAN ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN NĂM 2025 SẴN SẴP XẾP**

(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 18/7/2025 của HĐND phường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Đơn vị	Tổng số biên chế có mặt	Chi cho con người: Tiền lương + phụ cấp lương + các khoản đóng góp năm 2025	Kinh phí hoạt động thường xuyên năm 2025	Tổng kinh phí chi lương, hoạt động	Kinh phí hoạt động đặc thù	Tổng Dự toán giao trong năm 2025: Kinh phí chi lương, hoạt động; Các khoản hoạt động đặc thù
1	2	4	5	6	7=5+6	8	9=7+8
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)		310	27,284	7,320	34,604	19,828	54,432
I	Cơ quan Đảng	32	5,000	1,820	6,820	2,518	9,338
1	Đảng ủy phường	27	4,218	1,470	5,688	2,518	8,206
a	Cán bộ, công chức	21	3,813	1,470	5,283	0	5,283
b	Cán bộ không chuyên trách xã	6	405	0	405	0	405
c	Kinh phí Đại hội Đảng bộ phường	0	0	0	0	1,148	1,148
d	Kinh phí hoạt động đặc thù Đảng	0	0	0	0	1,370	1,370
2	Trung tâm Chính trị	5	782	350	1,132	0	1,132
a	Cán bộ, công chức	5	782	350	1,132	0	1,132
II	Đoàn thể, tổ chức chính trị	14	2,178	840	3,018	500	3,518

Stt	Đơn vị	Tổng số biên chế có mặt	Chi cho con người: Tiền lương + phụ cấp lương + các khoản đóng góp năm 2025	Kinh phí hoạt động thường xuyên năm 2025	Tổng kinh phí chi lương, hoạt động	Kinh phí hoạt động đặc thù	Tổng Dự toán giao trong năm 2025: Kinh phí chi lương, hoạt động; Các khoản hoạt động đặc thù
1	2	4	5	6	7=5+6	8	9=7+8
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	14	2,178	840	3,018	500	3,518
a	Cán bộ, công chức	12	1,971	840	2,811	0	2,811
b	Cán bộ không chuyên trách xã	2	207	0	207	0	207
c	Kinh phí hoạt động đặc thù	0	0	0	0	500	500
III	Phòng chuyên môn	250	17,799	4,660	22,459	5,794	28,253
1	Văn phòng HĐND và UBND	198	10,736	2,000	12,736	4,094	16,830
a	Cán bộ, công chức	20	3,196	1,400	4,596	0	4,596
b	Kinh phí hoạt động HĐND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022	0	0	0	0	680	680
c	Phụ cấp đại biểu HĐND	0	946	0	946	0	946
d	Cán bộ không chuyên trách xã	10	800	0	800	0	800
e	Cán bộ không chuyên trách ấp, trực tiếp	140	5,794	0	5,794	0	5,794
f	Kinh phí hoạt động khác theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND	0	0	600	600	0	600
g	Kinh phí hoạt động Tổ nhân dân theo Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017	0	0	0	0	1,264	1,264
i	Sự nghiệp Quốc phòng	28	0	0	0	1,350	1,350
k	Sự nghiệp An ninh	0	0	0	0	800	800

Stt	Đơn vị	Tổng số biên chế có mặt	Chi cho con người: Tiền lương + phụ cấp lương + các khoản đóng góp năm 2025	Kinh phí hoạt động thường xuyên năm 2025	Tổng kinh phí chi lương, hoạt động	Kinh phí hoạt động đặc thù	Tổng Dự toán giao trong năm 2025: Kinh phí chi lương, hoạt động; Các khoản hoạt động đặc thù
1	2	4	5	6	7=5+6	8	9=7+8
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	19	2,441	910	3,351	500	3,851
a	Cán bộ, công chức	13	1,990	910	2,900	0	2,900
b	Cán bộ không chuyên trách xã	6	451	0	451	0	451
c	Sự nghiệp Kinh tế	0	0	0	0	500	500
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	16	2,185	770	2,955	700	3,655
a	Cán bộ, công chức	11	1,796	770	2,566	0	2,566
b	Cán bộ không chuyên trách xã	5	389	0	389	0	389
c	Sự nghiệp Đảm bảo xã hội khác: chi thăm hỏi nhân kỷ niệm 27/7; chi công tác người có công	0	0	0	0	700	700
4	Trung tâm phục vụ hành chính công	17	2,437	980	3,417	500	3,917
a	Cán bộ, công chức	14	2,216	980	3,196	0	3,196
b	Cán bộ không chuyên trách xã	3	221	0	221	0	221
c	Kinh phí hoạt động đặc thù	0	0	0	0	500	500
IV	Sự nghiệp Văn hóa, Thông tin	14	2,307	0	2,307	639	2,946
1	Phòng Văn hóa - Xã hội	0	0	0	0	639	639
a	Sự nghiệp Văn hóa, thông tin	0	0	0	0	500	500
b	Sự nghiệp Phát thanh	0	0	0	0	100	100

Stt	Đơn vị	Tổng số biên chế có mặt	Chi cho con người: Tiền lương + phụ cấp lương + các khoản đóng góp năm 2025	Kinh phí hoạt động thường xuyên năm 2025	Tổng kinh phí chi lương, hoạt động	Kinh phí hoạt động đặc thù	Tổng Dự toán giao trong năm 2025: Kinh phí chi lương, hoạt động; Các khoản hoạt động đặc thù
1	2	4	5	6	7=5+6	8	9=7+8
c	Sự nghiệp Thể dục thể thao	0	0	0	0	39	39
2	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	14	2,307	0	2,307	0	2,307
V	Chi khác ngân sách					10,377	10,377

DỰ TOÁN THU, CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 18/7/2025 của HĐND phường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Đơn vị	Tổng số CBGV CNV được giao năm học 2024-2025	Tổng số CBGV CNV (có mặt đến 01/7/2025)	Chi cho con người: Tiền lương + phụ cấp lương + các khoản đóng góp	Tổng kinh phí hoạt động thường xuyên (Khối MN: 60 triệu/biên chế; Khối TH, THCS: 35 triệu/biên chế)	Kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 07/2024/ NQ- HĐND tỉnh	Kinh phí chi trả Phụ cấp ưu đãi Giáo viên dạy trẻ Khuyết tật	Kinh phí sự nghiệp giáo dục bổ sung trong 6 tháng đầu năm 2025 (trước sắp xếp)	Tổng kinh phí chi lương, hoạt động và các khoản chi hỗ trợ sự nghiệp	Tiết kiệm 10% hoạt động chi thường xuyên	Tổng Dự toán sau khi trừ tiết kiệm	Nguồn thu cân đối, thu quản lý NS được sử dụng			Tiết kiệm 10% hoạt động từ nguồn thu học phí đơn vị được sử dụng	Tổng Dự toán giao trong năm 2025 sau khi trừ nguồn thu được sử dụng và tiết kiệm
												Tổng Dự toán giao chi (từ nguồn thu học phí, nguồn thu dịch vụ, xe đạp đạp)	Trong đó:			
													Nguồn thu Học phí, thu giữ xe đạp, dịch vụ (60%)	Nguồn thu Học phí, thu giữ xe đạp, dịch vụ (40%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=5+..+9	11=6*10 %	12=10-11	13=14+ 15	14	15	16=14*1 0%	17=12-13- 16
	TỔNG CỘNG	733	638	132,659	30,780	3,127	4,814	1,158	172,538	3,078	169,460	2,489	1,492	997	145	166,825
I	KHỐI MẦM NON	205	169	29,126	12,300	2,492	192	240	44,350	1,230	43,120	1,288	772	516	77	41,755
1	Mầm non Bình Minh	19	17	2,989	1,140	270	0	14	4,413	114	4,299	28	17	11	2	4,269
2	Mầm non An Bình	32	26	5,054	1,920	378	50	42	7,444	192	7,252	292	175	117	18	6,943
3	Mẫu giáo Phú Bình	21	18	3,277	1,260	252	0	16	4,805	126	4,679	32	19	13	2	4,645
4	Mẫu giáo Thanh An	31	24	3,921	1,860	360	55	58	6,254	186	6,068	248	149	99	15	5,805
5	Mẫu giáo Xuân Thanh	16	13	2,177	960	170	0	11	3,318	96	3,222	119	71	48	7	3,096
6	Mầm non Hoa Hồng	35	29	5,174	2,100	432	0	37	7,743	210	7,533	281	169	112	17	7,235
7	Mầm non Sơn Ca	28	24	3,981	1,680	342	0	28	6,031	168	5,863	164	98	66	10	5,689
8	Mẫu giáo Vành Khuyên	23	18	2,553	1,380	288	87	34	4,342	138	4,204	124	74	50	7	4,073

Stt	Đơn vị	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=5+...+9	11=6*10%	12=10-11	13=14+	14	15	Nguồn thu cần đối, thu			Tổng Dự toán giao dịch (từ nguồn thu học phí, thu xe đạp, dịch vụ, xe đạp, thu giữ phi, thu học phí, thu dịch vụ (40%))	Trong đó:	Tiết kiệm 10% hoạt động từ nguồn thu học phí, thu xe đạp, sử dụng và tiết kiệm	Tổng Dự toán giao dịch năm 2025	Tiết kiệm 10% hoạt động từ nguồn thu học phí, thu xe đạp, sử dụng và tiết kiệm
																	quản lý NS được sử dụng	Tổng dự toán	đáp)					
	Tổng số CBGV CNV được giao năm học 2024-2025																							
	Tổng số CBGV CNV (có mặt đến 01/7/2025)																							
	Chỉ cho con người: Tiền lương + phụ cấp lương + các khoản đóng góp																							
	Tổng kinh phí hoạt động thường xuyên (Khởi theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND tỉnh																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							
	Kinh phí chi trả chi phí kinh phí																							

DỰ TOÁN THU HỌC PHÍ, THU TRÔNG GIỮ XE ĐẠP NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 18/7/2025 của HĐND phường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Dự toán thu trong năm	Trong đó			
			Số nộp ngân sách	Số còn lại cân đối chi	60% chi hoạt động	40% CCTL
	TỔNG CỘNG	2,495	6	1,201	1,493	996
I	KHỐI MẦM NON	1,288	0	0	773	515
1	Mầm non Bình Minh	28			17	11
2	Mầm non An Bình	292			175	117
3	Mẫu giáo Phú Bình	32			19	13
4	Mẫu giáo Thanh An	248			149	99
5	Mẫu giáo Xuân Thanh	119			71	48
6	Mầm non Hoa Hồng	281			169	112
7	Mầm non Sơn Ca	164			98	66
8	Mẫu giáo Vành Khuyên	124			74	50
II	KHỐI THCS	1,207	6	1,201	721	480
1	THCS Hồ Thị Hương	155	2	153	92	61
2	THCS Lê Quý Đôn	464	1	463	278	185
3	THCS Nguyễn Trãi	588	3	585	351	234